

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TÂN TIẾN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Minh	Chủ tịch
Ông Lê Minh Hùng	Thành viên
Ông Đào Đông Phong	Thành viên
Ông Ngô Chí Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Quang Minh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Tập	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Minh Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đoài	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Minh Hùng
Giám đốc

Nha Trang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Số: 44A/BCKT/2018-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TÂN TIẾN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2018 từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Dương Nghĩa

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Kim Văn Việt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.822.709.564	31.823.595.325
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.714.783.133	11.407.414.555
1. Tiền	111		1.714.783.133	2.407.414.555
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	9.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		815.419.513	4.203.207.035
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	1.489.697.194	2.268.841.132
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	17.788.919	2.534.235.561
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	74.743.521	166.940.463
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(766.810.121)	(766.810.121)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	13.548.843.851	15.850.618.605
1. Hàng tồn kho	141		14.032.724.869	17.031.260.206
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(483.881.018)	(1.180.641.601)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		743.663.067	362.355.130
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	357.330.029	64.248.838
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		386.333.038	298.106.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.736.208.502	28.595.928.910
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.707.907.290	24.911.584.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	33.707.907.290	24.911.584.956
Nguyên giá	222		115.129.615.880	103.411.332.513
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.421.708.590)	(78.499.747.557)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	-	-
Nguyên giá	228		63.500.000	63.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.500.000)	(63.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.903.405.348
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	-	2.903.405.348
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.028.301.212	780.938.606
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	1.028.301.212	780.938.606
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		53.558.918.066	60.419.524.235

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TÂN TIẾNĐịa chỉ: Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Nguyễn,
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.479.949.900	17.638.329.702
I. Nợ ngắn hạn	310		13.859.949.900	13.638.329.702
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	7.564.025.489	4.088.748.687
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	1.911.817.433	6.033.826.063
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	36.407.339	21.641.676
4. Phải trả người lao động	314		89.827.950	81.481.081
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	16.918.095	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	627.329.068	379.318.855
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	3.102.372.060	703.367.874
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.16	511.252.466	2.329.945.466
II. Nợ dài hạn	330		1.620.000.000	4.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	1.620.000.000	4.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.078.968.166	42.781.194.533
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	38.078.968.166	42.781.194.533
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.000.000.000	56.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.000.000.000	56.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.185.322.853	1.185.322.853
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.106.354.687)	(14.404.128.320)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.404.128.320)	1.763.397.217
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.702.226.367)	(16.167.525.537)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		53.558.918.066	60.419.524.235



Phê Duyệt

Lê Minh Hùng
Giám đốc

Nha Trang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Kim An
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TÂN TIỀNĐịa chỉ: Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Nguyên,
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	44.610.144.994	63.228.203.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	31.702.088	332.162.156
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.578.442.906	62.896.041.666
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	43.629.363.554	65.537.134.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		949.079.352	(2.641.092.482)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	235.425.929	1.071.120.371
7. Chi phí tài chính	22	5.5	374.468.321	60.783.479
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		367.917.042	39.070.855
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	729.767.374	1.526.200.032
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	4.788.377.418	9.619.625.226
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.708.107.832)	(12.776.580.848)
11. Thu nhập khác	31	5.8	7.440.533	8.600.409
12. Chi phí khác	32	5.9	1.559.068	3.399.545.098
13. Lợi nhuận khác	40		5.881.465	(3.390.944.689)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.702.226.367)	(16.167.525.537)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(4.702.226.367)	(16.167.525.537)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	(840)	(1.941)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	(840)	(1.941)



Phê Duyệt

Lê Minh Hùng
Giám đốc

Nha Trang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Kim An
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TÂN TIỀNĐịa chỉ: Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Nguyên,
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03a - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		41.164.746.947	69.611.623.087
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(31.467.173.463)	(32.811.294.307)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.436.503.731)	(6.986.229.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(314.612.001)	(233.311.182)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.766.990.736	7.781.118.714
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.625.109.893)	(19.958.773.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.911.661.405)	17.403.134.014
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.071.396.348)	(4.864.860.753)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	9.169.340.910
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		271.425.576	1.060.772.956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.799.970.772)	5.365.253.113
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32		-	(38.440.800.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	3.014.765.689	4.703.367.874
3. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34	6.2	(2.995.761.503)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19.004.186	(33.737.432.126)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(7.692.627.991)	(10.969.044.999)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.407.414.555	22.362.398.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(3.431)	14.061.537
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		3.714.783.133	11.407.414.555



Phê Duyệt

Lê Minh Hùng
Giám đốc

Nha Trang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Kim An
Kê toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Dệt Tân Tiến thuộc Tổng Công ty Khánh Việt theo quyết định số 1635/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000429 ngày 12/01/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 21 tháng 09 năm 2016 với mã số doanh nghiệp mới là 4200340233. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.000.000.000 VND; được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khánh Việt	Việt Nam	49.333.000.000	88,09%	49.333.000.000	88,09%
Cổ đông khác	Việt Nam	6.667.000.000	11,91%	6.667.000.000	11,91%
Cộng		56.000.000.000	100%	56.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 111 nhân viên (31/12/2016: 109 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải các loại, áo quần;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng và công nghiệp có sử dụng nguyên liệu chính từ vải, nguyên liệu cho ngành dệt may;
- Mua bán vải, sợi các loại, máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu ngành dệt may;
- Xuất nhập khẩu vải, sợi các loại, máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu ngành dệt may.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi phát sinh giao dịch.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.4. Nợ phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí; Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả trong năm của Công ty là chi phí phân tích môi trường. Căn cứ trích lập dựa vào hợp đồng cung cấp dịch vụ của Công ty với Nhà cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu*****Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hoạt động xuất khẩu: 0%;
- Hoạt động bán các sản phẩm dệt trong nước: 10%;
- Các hoạt động khác: áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.22. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh sản xuất thương mại và lãnh thổ duy nhất là Việt Nam.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3.24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		1.954.794		13.376.817
- Tiền gửi ngân hàng		1.712.828.339		2.394.037.738
+ VND		1.708.107.311		1.648.474.570
+ USD	208,25	4.721.028	32.829,73	745.563.168
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		2.000.000.000		9.000.000.000
Cộng		3.714.783.133		11.407.414.555

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		VND		VND
Phải thu từ khách hàng		1.480.561.194		2.038.908.132
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		-		111.330.450
Công ty TNHH SX TM DV Thu Hồng		-		1.104.058.712
Công ty TNHH SX TM DV Đất Việt		766.810.121		766.810.121
Công Ty Cổ Phần May Tây Đô		199.689.050		-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		-		468.600
Công Ty TNHH TM Dịch Vụ Vải Sợi Phương		167.667.355		-
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Khánh Hòa		1.771.343		200.840
Đối tượng khác		344.623.325		56.039.409
Phải thu với các bên liên quan - xem thêm mục 7		9.136.000		229.933.000
Cộng		1.489.697.194		2.268.841.132

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		VND		VND
Công ty TNHH TM-DV-KT Cơ khí Đại Phương Hoàng		-		1.566.840.000
Công ty TNHH Kỹ thuật SXTM Nội hơi Minh Phát		-		533.000.000
Công ty TNHH SX-TM-DV XNK Nhật Nam		-		428.400.000
SPGPrints B.V.		5.847.919		5.847.919
Trung Tâm Phân Tích Và Đo Đặc		-		-
Môi Trường Phương Nam		9.700.000		-
Các đối tượng khác		2.241.000		147.642
Cộng		17.788.919		2.534.235.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	14.112.500	-	50.461.111	-
Thuế TNCN của CBCNV	16.081.300	-	13.309.300	-
Tạm ứng CBCNV	38.663.721	-	103.170.052	-
Phải thu khác	5.886.000	-	-	-
Cộng	74.743.521	-	166.940.463	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	766.810.121	-	766.810.121	-
Cộng	766.810.121	-	766.810.121	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đều đã quá hạn trên 3 năm và đến nay vẫn chưa thu hồi được.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH SX TM DV Đất Việt	766.810.121	-	Trên 3 năm	766.810.121	-	Trên 3 năm
Cộng	766.810.121	-		766.810.121	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.315.117.054	-	3.353.378.015	-
Công cụ, dụng cụ	136.853.246	-	25.345.812	-
Chi phí SX, KD dở dang	4.699.982.054	-	6.098.541.394	-
Thành phẩm	5.810.548.796	483.881.018	7.479.628.349	1.180.641.601
Hàng hóa	70.223.719	-	74.366.636	-
Cộng	14.032.724.869	483.881.018	17.031.260.206	1.180.641.601

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

Việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do hàng hóa lỗi thời, mất phẩm chất đã được xử lý, tiêu thụ.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Cải tạo nâng cấp nhà lò	-	1.051.666.923
Máy chế biến lưới phẳng	-	1.683.910.046
Máy in lưới phẳng	-	167.828.379
Cộng	-	2.903.405.348

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	
Nguyên giá		
Số đầu năm	63.500.000	63.500.000
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	63.500.000	63.500.000
Khấu hao		
Số đầu năm	63.500.000	63.500.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	63.500.000	63.500.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 63.500.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TÂN TIẾN

Địa chỉ: Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Nguyên,
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý ; VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2017	23.055.069.281	74.700.579.758	5.615.660.474	40.023.000	103.411.332.513
XDCB hình thành	-	11.718.283.367	-	-	11.718.283.367
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	23.055.069.281	86.418.863.125	5.615.660.474	40.023.000	115.129.615.880
Khấu hao					
Tại ngày 01/01/2017	13.042.453.580	60.478.815.596	4.938.455.381	40.023.000	78.499.747.557
Khấu hao trong năm	432.792.396	2.383.630.185	105.538.452	-	2.921.961.033
Thanh lý trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	13.475.245.976	62.862.445.781	5.043.993.833	40.023.000	81.421.708.590
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	10.012.615.701	14.221.764.162	677.205.093	-	24.911.584.956
Tại ngày 31/12/2017	9.579.823.305	23.556.417.344	571.666.641	-	33.707.907.290

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 12.543.785.733 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 61.390.245.968 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	357.330.029	64.248.838
Cộng	357.330.029	64.248.838
Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	580.015.358	352.782.928
Chi phí sửa chữa máy móc	297.208.733	152.547.653
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	151.077.121	275.608.025
Cộng	1.028.301.212	780.938.606

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả cho người bán	7.500.865.489	4.076.908.687
CN TP Đà Nẵng - Công ty CP VINATEX Quốc Tế	-	342.408.505
Công ty TNHH CHAN CHEM	990.220.000	852.302.000
Công ty TNHH Thương mại C.S.M	306.700.000	415.200.000
Công ty TNHH Renew	751.162.410	363.560.808
Công ty TNHH Công nghiệp hóa chất Vimin	590.651.050	357.643.220
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	-	257.387.790
Công ty TNHH Hai thành viên Thăng Long Việt	-	254.740.480
Tập đoàn dệt may Việt Nam - NMSX vải Yarn Dyed	-	209.454.300
DNTN SX TM & DV Toàn Hưng	-	200.602.600
Công ty TNHH TM-DV & SX Tân Châu	1.007.646.200	171.546.100
Công ty TNHH vận tải Hoàng Nam S.G	239.261.403	19.013.060
Công ty TNHH TM-DV-KT Cơ khí Đại Phương Hoàng	1.843.986.458	-
Các đối tượng khác	1.771.237.968	633.049.824
Phải trả cho các bên liên quan - xem thêm mục 7	63.160.000	11.840.000
Cộng	7.564.025.489	4.088.748.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước	1.049.912.692	491.093.621
Cửa Hàng Vải Sợi Hùng Thúy	-	383.276.455
Hộ kinh doanh cá thể Trịnh Thị Lệ Dung	513.572.332	-
Các đối tượng khác	536.340.360	107.817.166
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	861.904.741	5.542.732.442
Cộng	<u>1.911.817.433</u>	<u>6.033.826.063</u>

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2017 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT	-	4.242.577.835	4.242.577.835	-
Thuế GTGT Hàng NK	-	55.072.635	55.072.635	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	24.256.890	24.256.890	-
Thuế TNCN	18.633.356	45.709.509	31.373.606	32.969.259
Thuế tài nguyên	3.008.320	39.374.080	38.944.320	3.438.080
Tiền thuê đất	-	959.060.671	959.060.671	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>21.641.676</u>	<u>5.369.051.620</u>	<u>5.354.285.957</u>	<u>36.407.339</u>

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí phân tích môi trường	16.918.095	-
Cộng	<u>16.918.095</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn	39.520.424	27.595.400
Bảo hiểm xã hội	3.293.500	29.163.600
Cổ tức phải trả	4.834.000	4.834.000
Lãi dự trả	92.375.896	39.070.855
Hoàn vốn cho cổ đông	273.200.000	273.200.000
Phải trả khác	214.105.248	5.455.000
Cộng	627.329.068	379.318.855

4.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quỹ khen thưởng	355.736.000	1.202.519.000
Quỹ phúc lợi	107.702.466	1.079.612.466
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	47.814.000	47.814.000
Cộng	511.252.466	2.329.945.466

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TÂN TIẾN

Địa chỉ: Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Nguyên,
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hạn: NH TMCP Công thương - CN Khánh Hòa	1.402.372.060	1.402.372.060	3.014.765.689	2.315.761.503	703.367.874	703.367.874
Nợ dài hạn đến hạn trả: Công ty CP TM và ĐT Việt Khánh	1.700.000.000	1.700.000.000	2.380.000.000	680.000.000	-	-
Cộng	3.102.372.060	3.102.372.060	5.394.765.689	2.995.761.503	703.367.874	703.367.874
Vay dài hạn: Công ty CP TM và ĐT Việt Khánh	1.620.000.000	1.620.000.000	-	2.380.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	1.620.000.000	1.620.000.000	-	2.380.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

Vay ngắn hạn là khoản vay với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng vay số 94/2017-HĐCVHM/NHCT580/KHDN ngày 11/10/2017; hạn mức tín dụng 4 tỷ đồng; lãi suất 9%/năm

Vay dài hạn là khoản vay với Tổng Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Việt Khánh theo hợp đồng vay số 01/HĐVV/VK-TT/2016 ngày 15/11/2016; hạn mức vay 4 tỷ đồng; lãi suất 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT TÂN TIẾN

Địa chỉ: Khu Bình Tân, Phường Vĩnh Nguyên,
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu quỹ VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	96.711.000.000	1.185.322.853	(2.008.000.000)	1.763.397.217	99.659.720.070
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(16.167.525.537)	(16.167.525.537)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	(2.008.000.000)	-	(2.008.000.000)
Giảm vốn trong năm trước	(40.711.000.000)	-	-	-	(40.711.000.000)
Tại ngày 01/01/2017	56.000.000.000	1.185.322.853	-	(14.404.128.320)	42.781.194.533
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(4.702.226.367)	(4.702.226.367)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	56.000.000.000	1.185.322.853	-	(19.106.354.687)	38.078.968.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Khánh Việt	49.333.000.000	49.333.000.000
Cổ đông khác	6.667.000.000	6.667.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp đầu năm	56.000.000.000	56.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vôn góp cuối năm	56.000.000.000	56.000.000.000

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	(4.702.226.367)	(16.167.525.537)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.702.226.367)	(16.167.525.537)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.600.000	8.329.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(840)	(1.941)

Công ty chưa có dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 nên lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 là toàn bộ lợi nhuận sau thuế.

4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	(4.702.226.367)	(16.167.525.537)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lỗ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(4.702.226.367)	(16.167.525.537)
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.600.000	8.329.020
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.600.000	8.329.020
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(840)	(1.941)

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại (USD)	208,25	32.829,73

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	41.930.603.726	60.304.198.834
Doanh thu bán hàng hóa	284.233.840	2.326.138.182
Doanh thu hoạt động khác	2.395.307.428	597.866.806
Cộng	44.610.144.994	63.228.203.822
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - xem thêm mục 7	8.496.110.365	18.143.906.945

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giảm giá hàng bán	31.702.088	196.870.607
Hàng bán bị trả lại	-	135.291.549
Cộng	31.702.088	332.162.156

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm	42.522.000.480	62.296.672.371
Giá vốn hàng hóa	164.968.965	2.856.472.332
Giá vốn các hoạt động khác	921.806.632	296.067.006
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20.587.477	87.922.439
Cộng	43.629.363.554	65.537.134.148

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	234.867.342	1.046.000.957
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	558.587	11.057.877
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	14.061.537
Cộng	235.425.929	1.071.120.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	367.917.042	39.070.855
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	6.547.848	21.712.624
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	3.431	-
Cộng	374.468.321	60.783.479

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí vật liệu bao bì	21.269.050	54.654.658
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.510.152	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.225.000	59.184.736
Chi phí bằng tiền khác	690.763.172	1.412.360.638
Cộng	729.767.374	1.526.200.032

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.294.514.852	2.545.371.406
Chi phí vật liệu quản lý	6.752.781	21.922.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.657.048	553.658.560
Chi phí khấu hao TSCĐ	127.907.448	289.868.994
Thuế, phí và lệ phí	822.222.251	958.249.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.447.003	221.764.627
Chi phí bằng tiền khác	1.192.876.035	5.028.788.829
Cộng	4.788.377.418	9.619.625.226

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Xử lý công nợ	145.889	238.591
Thu nhập khác	7.294.644	8.361.818
Cộng	7.440.533	8.600.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	2.727.419.377
Phạt vị phạm hành chính	-	108.936
Chi phí khác	1.559.068	672.016.785
Cộng	1.559.068	3.399.545.098

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.307.012.181	43.974.330.464
Chi phí nhân công	7.858.377.764	5.486.609.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.921.961.033	3.179.783.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	923.322.826	221.764.627
Chi phí khác bằng tiền	1.883.639.207	2.040.321.371
Cộng	45.894.313.011	54.902.809.333

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(4.702.226.367)	(16.167.525.537)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	189.544.424	121.273.361
Chi phí không hợp lý hợp lệ	79.471.975	5.000.000
Chi phí phạt thuế	-	108.936
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000	96.000.000
Lãi CLTG đánh giá số dư cuối năm trước	14.069.018	20.164.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư cuối năm	3.431	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	14.069.018
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư cuối năm	-	14.069.018
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(4.512.681.943)	(16.060.321.194)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.014.765.689	4.703.367.874
Cộng	3.014.795.689	4.703.367.874

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.995.761.503	-
Cộng	2.995.761.503	-

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Khánh Việt
2. Công ty TNHH Thương Mại Khatoco
3. Công ty CP Khatoco-Liberty
4. Nhà máy Thuốc lá Khatoco
5. Xí nghiệp may Khatoco
6. HĐQT và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
- Công ty con của Tổng Công ty Khánh Việt
- ĐVTT của TCT Khánh Việt
- ĐVTT của TCT Khánh Việt
- Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Khatoco-Liberty	-	229.933.000
Nhà máy thuốc lá Khatoco	9.136.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.2	9.136.000	229.933.000
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả:		
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	4.640.000	8.600.000
Nhà máy thuốc lá Khatoco	-	3.240.000
Xí nghiệp may Khatoco	58.520.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.11	63.160.000	11.840.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Người mua trả tiền trước Công ty TNHH Thương Mại Khatoco	861.904.741	5.542.732.442
Cộng - Xem thêm mục 4.12	861.904.741	5.542.732.442

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng		
Công ty CP Khatoco-Liberty	52.510.000	-
Xí nghiệp May Khatoco	1.874.817.220	818.009.750
Nhà máy Thuốc lá Khatoco	2.035.914.485	440.000.000
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	4.532.868.660	16.885.897.195
Cộng - Xem thêm mục 5.1	8.496.110.365	18.143.906.945

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	619.461.000	588.569.000
Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị	130.800.000	130.800.000
Cộng	750.261.000	719.369.000

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương và chi phí hoạt động	46.800.000	46.800.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- **Rủi ro thị trường:** Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thống lệ thị trường tốt nhất.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.714.783.133	11.407.414.555
Phải thu khách hàng và phải thu khác	758.966.873	1.502.031.011
Cộng	4.473.750.006	12.909.445.566
Công nợ tài chính:		
Phải trả người bán và phải trả khác	8.148.540.633	4.411.308.542
Các khoản vay	4.722.372.060	4.703.367.874
Chi phí phải trả	16.918.095	-
Cộng	12.887.830.788	9.114.676.416

11/01/2018 TU N N N 101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	3.102.372.060	8.165.458.728	11.267.830.788
Từ 1 – 3 năm	1.620.000.000	-	1.620.000.000
Tại ngày 31/12/2017	<u>4.722.372.060</u>	<u>8.165.458.728</u>	<u>12.887.830.788</u>
Dưới 01 năm	703.367.874	4.411.308.542	5.114.676.416
Từ 1 – 3 năm	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Tại ngày 01/01/2017	<u>4.703.367.874</u>	<u>4.411.308.542</u>	<u>9.114.676.416</u>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chịu rủi ro về USD do doanh thu bán hàng xuất khẩu có giá trị lớn.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và phải thu khác	Tiền và tương đương tiền	Cộng
Đô la Mỹ	-	208,25	208,25
Tại ngày 31/12/2017	<u>-</u>	<u>208,25</u>	<u>208,25</u>
Đô la Mỹ	-	32.829,73	32.829,73
Tại ngày 01/01/2017	<u>-</u>	<u>32.829,73</u>	<u>32.829,73</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phê duyệt

Lê Minh Hùng
Giám đốc

Nha Trang, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Kim An
Kế toán trưởng